



dāo kǒu

刀 口

noun · knife edge; incision

Example Sentences

Zhè bǎ dāo de dāo kǒu hěn fēng lì
这把刀的刀口很锋利。

The edge of this knife is very sharp.

Shǒu shù hòu dāo kǒu xū yào xiǎo xīn hù lǐ
手术后，刀口需要小心护理。

After surgery, the incision needs careful care.

Trace each character, then write the word on your own.

刀	刀	刀	刀	刀															
口	口	口	口	口	口														